

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP-NÔNG THÔN TỈNH CHAMPASAC- CHDCND LÀO THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

UOTHITPHANNYA LOBPHALAC*

TÓM TẮT

Tỉnh Champasac - Cộng hòa Dân chủ Nhân dân (CHDCND) Lào là tỉnh có nhiều tiềm năng để phát triển nông nghiệp. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nông nghiệp được chú trọng và đạt hiệu quả khá cao, bộ mặt nông thôn đã có sự đổi mới. Nhưng song song với quá trình phát triển đó, môi trường đang bị ảnh hưởng và yêu cầu đặt ra là phải phát triển theo hướng bền vững. Chính vì thế, việc phân tích thực trạng nhằm đưa ra những giải pháp phát triển bền vững nông nghiệp - nông thôn ở Champasac là vấn đề cần thiết.

ABSTRACT

Towards a stable development in agriculture and rural areas of Champasac Province – Lao PDR

Champasac Province, Lao PDR, has the potential to develop agriculture. In the process of social - economic development of Champasac, agriculture has been focused and has achieved high efficiency; the rural areas have been innovated. However, paralleled to the development process, environment is being affected and a sustainable development is required. Therefore, analyzing the reality in order to provide solutions to sustainable development in agriculture and rural areas of Champasac is imperative.

1. Đặt vấn đề

Nông nghiệp là một ngành sản xuất vật chất của nền kinh tế quốc dân, là một bộ phận trọng yếu của tái sản xuất xã hội. Hoạt động sản xuất nông nghiệp được tiến hành chủ yếu trên địa bàn nông thôn. Vì vậy phát triển nông nghiệp luôn gắn liền với phát triển nông thôn. CHDCND Lào là nước mà sản xuất nông nghiệp thu hút 74% dân số tham gia nên phát triển nông nghiệp - nông thôn luôn giữ vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Những năm qua Đảng và Nhà nước đã chú ý đẩy mạnh việc phát triển nông nghiệp - nông thôn và đã đạt được nhiều

thành tựu đáng kể. Hiện nay, đứng trước những đòi hỏi của quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, nền nông nghiệp của cả nước nói chung, của tỉnh Champasac nói riêng phát triển còn chậm, chưa phát huy tiềm năng và lợi thế của mình nên hiệu quả chưa cao, chưa bền vững. Do phần lớn địa hình tỉnh Champasac trải dài theo sông Mê-Kông nên có điều kiện thuận lợi trong việc phát triển nông nghiệp. Tuy nhiên làm thế nào để nông nghiệp - nông thôn Champasac phát triển mạnh, khai thác tốt tiềm năng và lợi thế phục vụ phát triển nhưng vẫn bảo vệ được môi trường, môi sinh, đảm bảo công bằng xã hội, đây là một yêu cầu cấp thiết được

* NCS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

đặt ra. Từ thực tiễn trên, chúng tôi nhận thấy cần phải có những nghiên cứu mang tính hệ thống tìm hiểu thực tế việc phát triển nông nghiệp - nông thôn để đề ra định hướng, giải pháp nhằm thúc đẩy nông nghiệp nông thôn phát triển bền vững.

2. Nội dung

Dưới đây là phần phản ánh thực trạng phát triển nông nghiệp nông thôn tỉnh Champasac.

2.1. Tình hình phát triển nông nghiệp - nông thôn của tỉnh

❖ Thực trạng phát triển nông thôn tỉnh Champasac

- Về giao thông nông thôn:

Đến năm 2010, toàn tỉnh có tổng số 515,43km đường nhựa 11,31 km đường

bê tông và 1168km đường đất đỏ xe ô tô có thể vào tận bản được cả hai mùa mưa và khô.

- Điện lưới nông thôn:

Đến năm 2010, có 680 bản được sử dụng điện, chiếm tỉ lệ 74%.

- Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

Đến năm 2009 thêm nhiều bản có công trình cấp nước sinh hoạt tập trung; 97% tổng số dân và 82% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch (tăng 11% so với năm 2005). Tỉ lệ tiêm chủng phòng bệnh tăng, từ 63% năm 2005 lên 85% năm 2009.

Bảng 2.1. Tỉ lệ người dân sử dụng nước sạch, nhà tiêu tự hoại và tiêm chủng

Đơn vị (%)

STT	Chương trình	2005		2006		2007		2008		2009	
		Tỉ lệ người dân sử dụng	Tốc độ tăng trưởng	Tỉ lệ người dân sử dụng	Tốc độ tăng trưởng	Tỉ lệ người dân sử dụng	Tốc độ tăng trưởng	Tỉ lệ người dân sử dụng	Tốc độ tăng trưởng	Tỉ lệ người dân sử dụng	Tốc độ tăng trưởng
1	Nước sạch	86	1,17	86	2,11	87	2,65	96	6,48	97	1,04
2	Nhà tiêu tự hoại	43	2,27	43	2,11	44	2,65	45	4,62	45	0
3	Tiêm chủng	63	12,6	65	3,17	57	-14,03	70	22,80	85	21,42

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Champasac năm 2008

❖ Thực trạng phát triển nông nghiệp của tỉnh

- Cơ cấu kinh tế của tỉnh là nông nghiệp - dịch vụ - công nghiệp

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của các ngành nông - lâm nghiệp tăng 21,65%/năm thời kì 1996-1999 và 5,55%/năm thời kì 2005-2008

- Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp

Bảng 2.2. Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp tỉnh Champasac giai đoạn 1996-2011

STT	1996	2006	2008	2011
Tốc độ tăng trưởng (giá so sánh) %	21,65	22,24	5,55	10,02
Tổng giá trị sản lượng nông sản (đơn vị tỉ Kíp)	1,257	3,393	2,979	3,561

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Champasac năm 1996-2011

+ Cơ cấu nông nghiệp theo ngành

• Trồng trọt

Sản lượng lúa tăng trung bình 6,8%/năm, từ 309.653 tấn năm 2006 lên 413.173 năm 2010, vượt 8,7% kế hoạch đề ra, năng suất 3,84 tấn/ha. Trong đó sản lượng lúa vụ hè thu tăng trung bình 3,85%/năm, từ 299.768 tấn năm 2006 lên 357.527 tấn năm 2010, tăng 4,87% so với kế hoạch đề ra.

Hai huyện Bachieng và Pakxong không có diện tích trồng lúa nhưng đất đai phù hợp trồng cà phê, rau màu nên có sản lượng dẫn đầu tỉnh qua tất cả các năm.

Cây lương thực chiếm tỉ trọng trung bình 74,01% trong thời kì 1996-2008. Champasac được coi là vựa lúa của miền Nam, diện tích đất trồng cây lương thực từ 92.747 ha năm 2002 lên 101.224 ha năm 2008. Sản lượng lúa vụ thu đông tăng từ 9885 tấn năm 2006 lên

55.646 tấn năm 2010, tăng 42% so với kế hoạch đề ra.

Diện tích trồng cây công nghiệp và các loại cây trồng khác có tăng nhưng vẫn chiếm tỉ trọng nhỏ. Năm 2005, diện tích trồng cây công nghiệp chiếm tỉ trọng 21,81%, năm 2008 là 23,56%. Sản lượng cà phê giảm 3,9%, từ 30.151 tấn năm 2006 còn 28.976 tấn năm 2010, do một số nơi cây cà phê đã già nên chuyển sang trồng cà phê giống mới. Cùng thời kì, diện tích các cây trồng khác tăng từ 2,96% lên 3,55%. Sản lượng trái cây tăng trung bình 13,91%/năm, từ 28.391 tấn năm 2006 lên 48.140 tấn năm 2010, vượt 4,33% kế hoạch. Trong những năm gần đây, ngành trồng trọt đã có sự cải tiến kĩ thuật để tăng năng suất nhưng chưa có sự chuyển dịch lớn, cây nông nghiệp vẫn chiếm tỉ trọng lớn và chiếm tỉ lệ thấp nhất là cây ăn quả.

Bảng 2.3. Sản lượng nông sản giai đoạn 2005-2009

(Đơn vị: tấn)

STT	Tên nông sản	2005		2006		2007		2008		2009	
		Sản lượng	Tốc độ tăng trưởng	Sản lượng	Tốc độ tăng trưởng	Sản lượng	Tốc độ tăng trưởng	Sản lượng	Tốc độ tăng trưởng	Sản lượng	Tốc độ tăng trưởng
1	Lúa hè thu	277.980	3,24	299.768	7,83	327.264	9,17	322.560	1,45	335.741	4,08
2	Lúa đông xuân	13.387	0,83	9.885	-35,42	15.136	53,12	39.291	159,58	33.202	18,33
3	Cà phê	14.229	9,12	30.151	111,89	22.556	-33,67	23.408	3,77	26.467	13,06
4	Ngô (bắp)	1.160	5,96	4.026	247,06	15.958	296,37	23.606	47,92	25.611	8,49
5	Chè xanh	49	0,13	49.2	0,4	49	-0,4	49.3	0,61	67.9	37,72
6	Khoai tây	4.496	8,94	8.001	77,95	4.869	-64,32	12.0101	146,66	9.850	21,92
7	Trái cây	19.163		23.391	22,06	26.490	13,24	32.542	22,84	34.852	7,09

Nguồn: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Champasac

• *Chăn nuôi*

Chăn nuôi chủ yếu vẫn là chăn nuôi bò, trâu. Số lượng đàn trâu tăng trung bình /năm:1,85%; đàn bò 2,68%; đàn heo 4,12%; gia cầm 4,46%. Sản lượng cá tăng trung bình 11%. Huyện có số lượng đàn bò nhiều nhất là Paksong, sau đó là các huyện Xanasombun, Phonthong, Sukhuma. So với năm 2000, sản lượng chăn nuôi trong toàn tỉnh đã tăng lên đáng kể.

- *Về đầu tư sản xuất nông nghiệp:*

Từ 1999-2002, khu vực kinh tế trong nước chiếm tỉ trọng lớn hơn khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Năm 1999, tỉ trọng lần lượt là 36,73% và 32,01%. Đến 2002, tỉ trọng ngành nông nghiệp giảm mạnh, khu vực kinh tế trong

nước chỉ còn chiếm tỉ trọng khoảng 5,36% và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là 4,99%. Nhưng những năm gần đây, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã chiếm tỉ trọng gấp nhiều lần khu vực kinh tế trong nước.

Năm 2008, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt tỉ trọng 26,18%, gấp 5 lần tỉ trọng của khu vực kinh tế nhà nước (5,26%). Về giá trị tuyệt đối, cả 2 khu vực sản xuất nông nghiệp liên tục tăng. Năm 1996, giá trị sản xuất nông nghiệp của khu vực kinh tế trong nước là 598 triệu Kíp và năm 2008 tăng lên 43,506 tỉ Kíp; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng từ 20,527 tỉ Kíp năm 1999 lên 216,468 tỉ Kíp năm 2008.

Nhìn chung, tình hình sản xuất các

ngành khu vực nông - lâm nghiệp trong những năm vừa qua đã có những chuyển biến tích cực ở nhiều địa phương trong tỉnh. Diện tích rừng bụi đã có các công ti của Việt Nam vào đầu tư trồng cao su, còn cà phê và cây ăn quả do Thái Lan đầu tư, đất trồng lúa năng suất thấp được chuyển sang trồng cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao hơn. Chính vì thế, GDP ngành nông nghiệp ngày càng tăng.

Đối với ngành nông nghiệp, tỉnh chú trọng việc nghiên cứu, thí nghiệm nhằm bổ sung các giống cây trồng ở nhiều cơ sở.

+ Phát triển nông thôn:

Giai đoạn 5 năm, từ 2006 – 2010, tỉnh có tất cả 132 dự án nhằm phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng các công trình thủy lợi và đảm bảo nước tưới cho các vùng nông nghiệp. Trong đó có 66 dự án xây dựng trạm bơm nước dùng điện; 65 dự án chống ngập úng. Chính vì thế đã đáp ứng nhu cầu nước cho 13.034 ha lúa đông xuân, máy bơm nước tưới được 6201 ha; máy bơm nước loại nhỏ 16 mã lực có 2524 chiếc có thể tưới được 3786 ha. Máy bơm nước bằng điện có thể tưới được diện tích 9260ha.

2.2. Phát triển nông nghiệp - nông thôn theo hướng bền vững

2.2.1. Quan điểm phát triển nông nghiệp - nông thôn theo hướng bền vững

Theo định nghĩa của Tổ chức Nông lương Thế giới (FAO): “Phát triển bền vững (bao gồm nông - lâm và thủy sản) là quá trình quản lý và bảo toàn các nguồn tài nguyên thiên nhiên, định hướng sự thay đổi về công nghệ, thể chế theo cách sao cho bảo đảm được thành tựu và vẫn

thỏa mãn không ngừng những nhu cầu của con người trong hiện tại và cho cả các thế hệ tương lai. Sự phát triển bền vững như thế sẽ bảo vệ được nguồn tài nguyên đất, nước, các nguồn gen động, thực vật, không làm thoái hóa môi trường, hợp lý về kỹ thuật, có hiệu quả về mặt kinh tế và có thể chấp nhận được về mặt xã hội”.

Theo Võ Tòng Xuân, ở các vùng nhiệt đới, hệ thống nông nghiệp bền vững (bao gồm nông, lâm, thủy sản) gồm các tiêu chuẩn sau:

- Bảo tồn đất, nước và các nguồn gen cây trồng, vật nuôi;
- Môi trường không bị phá hoại;
- Kỹ thuật thích hợp;
- Có hiệu quả về mặt kinh tế;
- Xã hội chấp nhận.

Sau đây là một số định nghĩa cơ bản khác:

“Nông nghiệp bền vững cần bao gồm việc quản lý thành công các nguồn tài nguyên để thỏa mãn những nhu cầu của con người luôn thay đổi, trong khi vẫn duy trì, hoặc nâng cao chất lượng môi trường và bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên”.

“Các hệ thống nông nghiệp bền vững là những hệ thống có giá trị quan trọng về mặt kinh tế, đáp ứng được các nhu cầu an toàn về lương thực và dinh dưỡng của xã hội, trong khi vẫn bảo tồn hoặc tăng cường các nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước và chất lượng môi trường cho các thế hệ tương lai”.

Tổng hợp các định nghĩa trên, có thể thấy phát triển bền vững ngành nông nghiệp bao gồm các nội dung sau:

- Phát triển ngành nông nghiệp đạt hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo lợi ích lâu dài, tránh được sự suy thoái và đình trệ trong tương lai, tránh để lại gánh nặng nợ nần cho thế hệ mai sau.

- Duy trì chất lượng môi trường và bảo toàn chức năng các hệ thống tài nguyên nông nghiệp.

- Bảo đảm quyền lợi của cộng đồng dân cư hưởng dụng nguồn tài nguyên, cân bằng hưởng dụng nguồn tài nguyên giữa các thế hệ, góp phần xóa đói giảm nghèo cho nông ngư dân.

- Tối ưu hóa việc sử dụng đa mục tiêu các hệ thống tài nguyên, giảm thiểu mâu thuẫn lợi ích và các tác động của các ngành khác đến tính bền vững của ngành nông nghiệp.

2.2.2. Tiêu chí đánh giá phát triển nông nghiệp - nông thôn theo hướng bền vững

Hệ thống các chỉ tiêu phản ánh phát triển bền vững nông nghiệp - nông thôn

Việc xác định chỉ tiêu đo lường cho đến nay vẫn còn có những quan điểm khác nhau, nhưng về cơ bản gồm có các nhóm chỉ tiêu chủ yếu dưới đây:

❖ **Nhóm chỉ tiêu phản ánh phát triển nông nghiệp - nông thôn**

▪ Nhóm chỉ tiêu phản ánh tăng trưởng nông nghiệp - nông thôn

Bao gồm các chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Quy mô sản lượng của nền kinh tế: GDP và GNP;

- GDP và GTSX của nông nghiệp bình quân đầu người;

- Tốc độ tăng trưởng về quy mô sản lượng và thu nhập bình quân đầu người trong nông nghiệp.

Xu hướng của các chỉ tiêu trên phải thể hiện gia tăng và ổn định trong dài hạn.

▪ Nhóm chỉ tiêu phản ánh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Nhóm chỉ tiêu này phản ánh sự thay đổi chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trên 2 mặt cơ bản, gồm: cơ cấu GDP hoặc cơ cấu giá trị sản xuất, cơ cấu lao động của các ngành trong nông nghiệp.

+ *Cơ cấu ngành kinh tế*: Sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế được phản ánh qua cơ cấu GDP hoặc cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp. Các chỉ tiêu thường được sử dụng để đánh giá gồm có:

- GDP và tỉ trọng nông nghiệp trong GDP.

- Giá trị sản xuất và tỉ trọng giá trị sản xuất các ngành nông, lâm và thủy sản;

- Giá trị sản xuất và tỉ trọng giá trị sản xuất nội bộ các ngành nông, lâm và thủy sản;

- Tăng trưởng GDP và giá trị sản xuất của các ngành trong nông nghiệp;

- GDP và giá trị sản xuất của các ngành trong nông nghiệp bình quân đầu người.

Thông qua kết quả của các chỉ tiêu có thể rút ra những nhận định về trạng thái chuyển dịch cơ cấu kinh tế có ổn định hay không, xu hướng chuyển dịch có đúng hướng hay không, mức độ chuyển dịch nhanh hay chậm và nền kinh tế tăng trưởng cao hay thấp, bền vững hay không bền vững. Quy luật chung là tỉ trọng đóng góp của ngành nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân và tỉ trọng đóng góp của trồng trọt trong ngành nông

ngành có xu hướng giảm dần.

+ *Cơ cấu lao động nông nghiệp:*

Phản ánh tầm quan trọng của từng ngành trong nông nghiệp về việc sử dụng nguồn lao động xã hội. Các chỉ tiêu chủ yếu được sử dụng để đánh giá, gồm có:

- Tỷ trọng lao động ngành nông nghiệp so với tổng lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân;

- Tỷ trọng lao động trong các ngành của nông nghiệp so với tổng lao động nông nghiệp;

- GDP và giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân trên lao động nông nghiệp (năng suất lao động nông nghiệp).

Quy luật chung là tỷ trọng lao động nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân và tỷ trọng lao động trồng trọt có xu hướng giảm dần; đồng thời ngành nào có năng suất lao động cao thì ngành đó có tốc độ tăng trưởng và tỷ trọng sản lượng đầu ra tăng.

❖ **Nhóm chỉ tiêu phản ánh tiến bộ xã hội**

Tiến bộ xã hội có thể có nhiều cách đánh giá khác nhau cũng như những quan niệm khác nhau, nhưng vấn đề cuối cùng của tiến bộ xã hội chính là sự phát triển con người. Tiến bộ xã hội được xem xét trên các mặt: tuổi thọ, trình độ giáo dục, thu nhập của dân cư.

+ *Tuổi thọ:* Tuổi thọ của dân cư phản ánh kết quả cuối cùng của tiến bộ xã hội như môi trường sống, chăm sóc sức khỏe, thu nhập, điều kiện lao động tác động đến đời sống dân cư. Để phản ánh tuổi thọ dân cư, chỉ tiêu thường được sử dụng là tuổi thọ trung bình của dân cư. Gắn với quá trình phát triển kinh tế, tuổi

thọ trung bình được nâng cao.

+ *Giáo dục:* Phản ánh trình độ giáo dục và dân trí của một quốc gia, các chỉ tiêu được sử dụng: tỷ lệ người lớn biết chữ (tỷ lệ dân số 15 tuổi trở lên biết chữ), tỷ lệ dân số đi học phổ thông đúng độ tuổi (tỷ lệ dân số 6 - 17 tuổi đi học phổ thông), chỉ số giáo dục (Education Index, EI).

+ *Thu nhập - nghèo đói:* Nhu cầu mức sống vật chất thể hiện ở nhu cầu hấp thụ lượng calori tối thiểu bình quân/1 người/1 ngày (2100 - 2300 calori) để đảm bảo khả năng sống và làm việc bình thường. Để đảm bảo nhu cầu này, con người cần một khoảng thu nhập nhất định để chi tiêu cho lương thực, thực phẩm. Do đó, để phản ánh mức thu nhập trên, chỉ tiêu được sử dụng là tổng sản phẩm quốc dân trên đầu người (GDP/người).

+ *Chỉ số phát triển con người (Human Development Index - HDI):* Phản ánh toàn diện mức hưởng thụ của dân cư đối với ảnh hưởng của tăng trưởng và phát triển kinh tế về cả ba khía cạnh: thu nhập, sức khỏe và giáo dục. Xu hướng chỉ tiêu trên phải thể hiện ngày càng nâng cao gắn với quá trình phát triển kinh tế theo thời gian.

+ *Tiêu chuẩn đánh giá:* Theo tổ chức phát triển nhân lực của Liên Hiệp Quốc, trình độ HDI của thế giới chia làm ba nhóm: Nhóm quốc gia có HDI thấp: $HDI < 0,5$; trung bình: $0,5 \leq HDI \leq 0,8$ và cao: $HDI > 0,8$.

2.2.3. *Đánh giá phát triển nông nghiệp - nông thôn tỉnh Champasac theo hướng bền vững*

- Về kinh tế: tăng trưởng khá nhanh, điều tiết có hiệu quả, trong đó ngành

nông nghiệp tăng trung bình 14,86%. Theo sự đánh giá của Liên Hiệp Quốc, nếu dân số tăng 1% thì ngành nông nghiệp cần phải tăng 4% mới đảm bảo được an ninh lương thực, còn dân số của tỉnh Champasac tăng trung bình là 1,46%.

- Về vấn đề tài nguyên: Khai thác có quản lí, có chú ý bảo vệ hồi phục.

- Về chất lượng môi trường: Có kiểm soát, xử lí được phần nhỏ và chú ý phòng ngừa là chính.

Như vậy có thể đánh giá chung được rằng nông nghiệp nông thôn Champasac đã phát triển tương đối bền vững, một phần do nền kinh tế của Lào nói chung và tỉnh Champasac nói riêng đang trong quá trình đổi mới, quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa chưa diễn ra mạnh mẽ nên môi trường chưa bị ô nhiễm nặng. Bên cạnh đó còn có thể học tập kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới trong quá trình phát triển, trong đó phải kể đến bài học kinh nghiệm của Việt Nam, Trung Quốc và Nhật Bản.

3. Giải pháp phát triển bền vững nông nghiệp nông thôn ở tỉnh Champasac

3.1. Lập kế hoạch phát triển bền vững nông nghiệp nông thôn

- **Về kinh tế:**

Đảm bảo mức tăng trưởng GDP hàng năm là 7-8% /năm, lĩnh vực nông nghiệp giữ mức tăng trưởng trung bình 3,5%.

+ Đẩy nhanh việc xóa đói giảm nghèo ở nông thôn.

+ Phát triển công nghiệp chế biến nông phẩm, dịch vụ.

+ Đầu tư khoa học công nghệ, phát triển mở rộng trung tâm lai tạo giống phù hợp với điều kiện tự nhiên ở địa bàn.

- **Về nông nghiệp:**

Giai đoạn 2010-2015, ngành nông nghiệp tỉnh cố gắng phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng trung bình 3,5%/năm, tổng giá trị sản phẩm đạt 21.133 tỉ Kíp, chiếm 34,8% GDP và phấn đấu trong năm 2015 sẽ đạt 5572 tỉ Kíp. Cụ thể là sản xuất cà phê đạt 225.094 tấn, tăng trung bình 11%/năm; sản lượng lúa đạt 325.662 tấn, tăng trung bình 4,91%/năm; mùn cao su đạt 159.646 tấn với mức tăng trung bình 59%/năm; rau màu đạt 31.734 tấn, tăng trung bình 16,30% /năm; áp dụng các biện pháp kĩ thuật nhằm giải quyết nguồn nước cung cấp tưới tiêu cho cây trồng đạt chất lượng cao hơn.

Mục tiêu đến năm 2015, các công trình thủy lợi trên toàn tỉnh có thể tưới tiêu được 13.000 ha cây trồng các loại, tăng 5000 ha. Trên cơ sở tính toán cân bằng nước và đáp ứng nhu cầu dùng nước đến năm 2015, cần đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi ở các khu vực sông Mê-Kông.

Tiếp tục thực hiện xóa đói giảm nghèo, giảm tỉ lệ người dân có điều kiện sinh sống ở mức thấp hơn so với tiêu chuẩn nghèo mới.

- **Về xã hội:**

+ Ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho nông nghiệp - nông thôn, phát triển hệ thống giao thông vận tải đảm bảo việc đi lại, lưu thông hàng hóa thuận lợi. Các đường xã, liên thôn, liên xóm đạt 10% đường nhựa, 60% là đường đá sỏi có thể đi lại thuận lợi cả hai mùa.

+ Phát triển mạng lưới điện, nước sạch, đảm bảo trên 90% người dân được sử dụng điện, nước sạch vào năm 2015.

+ Phát triển các dịch vụ xã hội: khu vui chơi giải trí, bệnh viện, trạm xá.

+ Đầu tư xây dựng nhà ở nông thôn.

+ Đầu tư phát triển giáo dục, xây dựng thêm trường học và đầu tư thiết bị học tập, đảm bảo trẻ đến tuổi được đi học; đồng thời hướng tới đảm bảo chất lượng giáo dục ở nông thôn gần với ở thành thị.

- Về môi trường:

Đến năm 2015, phát triển mở rộng và bảo vệ diện tích rừng đảm bảo chiếm 25% diện tích rừng của cả nước; mở rộng diện tích rừng tăng từ 67% hiện nay lên 70%.

+ Bảo vệ sự đa dạng của sinh học một cách bền vững.

+ Phát triển nông nghiệp song song với việc bảo vệ môi trường, hạn chế việc du canh du cư trong sản xuất nông nghiệp.

+ Quy hoạch khu sản xuất nông nghiệp, hạn chế việc khai thác rừng làm nông nghiệp một cách bừa bãi.

+ Hạn chế tỉ lệ đất bị suy thoái từ việc sản xuất nông nghiệp bằng việc hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu.

+ Tăng diện tích đất nông nghiệp được tưới tiêu.

3.2. Giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững

- Nhiệm vụ hàng đầu là phát triển nền nông nghiệp hiện đại có năng suất cao, chất lượng và hiệu quả.

- Thúc đẩy và khuyến khích sản xuất

hàng hóa và dịch vụ phù hợp tiềm năng của tỉnh bằng việc thực hiện các chính sách về vốn, thị trường nhằm đảm bảo thu nhập cho các hộ gia đình. Mở rộng hệ thống khuyến nông xuống các huyện và cụm bản, phát triển hệ thống tín dụng ở nông thôn.

- Khuyến khích sản xuất nông nghiệp gắn liền với công nghiệp chế biến và dịch vụ.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên nông nghiệp, cần thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất: Hình thành các vùng sản xuất nông sản hàng hóa chủ lực tập trung có quy mô lớn, chất lượng sản phẩm cao gắn với công nghiệp chế biến. Xu hướng phát triển phổ biến của nền nông nghiệp hiện đại là chuyên môn hóa, tập trung hóa để đạt hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên, việc chuyên môn hóa, tập trung hóa lại phụ thuộc rất nhiều vào tiềm năng tự nhiên, lợi thế so sánh và khả năng phát triển công nghiệp chế biến nông sản.

+ Đầu tư thâm canh theo chiều sâu để tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

+ Xây dựng vùng trồng lúa tập trung ở các huyện dọc sông Mê-Kông

+ Xây dựng quy trình canh tác phù hợp với điều kiện sinh thái của từng tiểu vùng, trong đó đặc biệt coi trọng biện pháp bón phân hợp lý, cải thiện biện pháp bảo vệ cây lúa nhằm chống sâu bệnh và cỏ dại để vừa nâng cao chất lượng, vừa hạ giá thành sản xuất lúa, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

+ Đẩy mạnh chương trình cho vay

vốn đầu tư cơ giới hóa nông nghiệp.

+ Hiện đại hóa công nghệ xay xát và xây dựng mới các nhà máy chế biến rau quả

+ Đa dạng hóa dịch vụ nông nghiệp: hướng chính là đẩy mạnh phát triển các dịch vụ về giống, tưới tiêu, cơ giới hóa.

Thứ hai: Về tài nguyên rừng, cần phải nâng cao độ che phủ, bảo đảm bền vững môi trường. Với phương châm nâng cao chất lượng rừng đặc dụng để bảo vệ nguồn gen quý hiếm và cảnh quan thiên nhiên gắn với hoạt động du lịch; thực hiện chính sách giao đất giao rừng cho người dân gắn liền với xóa bỏ dần việc chặt phá đốt rừng làm nông nghiệp kiểu du canh du cư. Tiếp tục thực hiện các chính sách bảo vệ rừng nguyên sinh cũng như trồng mới rừng.

Về môi trường:

Tuyên truyền pháp luật quy hoạch đô thị và các dự án phát triển đô thị nhằm tạo thuận lợi cho việc quản lý môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Nâng cao năng suất sử dụng đất; sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước; áp dụng hệ thống sản xuất nông lâm kết hợp phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng, nhằm sử dụng hợp lý và có hiệu quả nguồn tài nguyên đất, nước, khí hậu.

Quản lý môi trường gắn liền với các dự án phát triển đô thị, khu kinh tế trọng điểm của tỉnh phải đảm bảo về vấn đề sức khỏe cho nhân dân các bộ lạc và gây ảnh hưởng ở mức thấp nhất về khí thải, rác thải, tàn phá rừng...

Có chính sách phát triển phù hợp với điều kiện thiên nhiên, đảm bảo an

ninh lương thực và không gây thiệt hại cho thế hệ mai sau, biến nông dân thành công nhân nông nghiệp, dịch vụ, đảm bảo không có tệ nạn xã hội.

Tiến hành kiểm tra đánh giá việc thực thi các chính sách về bảo vệ môi trường một cách kịp thời với các số liệu cụ thể.

3.3. Giải pháp phát triển nông thôn bền vững

- Phát triển nông thôn xanh, sạch, đẹp.

- Thực hiện việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch sắp xếp lại dân cư: sát nhập các bản nhỏ ở rải rác không có điều kiện phát triển vào thành bản lớn, có sự quy hoạch thành trung tâm kinh tế - văn hóa của khu và trở thành thị tứ nông thôn.

- Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn theo quy hoạch mới, cụ thể là nâng cấp hệ thống giao thông và mở hệ thống đường bộ đến các cụm bản, các vùng sản xuất nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại cũng như việc vận chuyển hàng hóa.

- Tiếp tục thực hiện chính sách xây dựng bản và cụm bản phát triển.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục ở nông thôn, mở rộng hệ thống giáo dục nhằm rút ngắn khoảng cách trình độ học vấn giữa thành thị và nông thôn, giải quyết vấn đề thiếu giáo viên và giáo viên không đạt chuẩn ở vùng sâu vùng xa.

- Mở rộng các dịch vụ y tế, đảm bảo sức khỏe cho cư dân nông thôn, đặc biệt là sức khỏe bà mẹ và trẻ em nhằm giảm tỉ lệ tử vong và suy dinh dưỡng ở trẻ.

- Có chính sách hỗ trợ các hộ nghèo

trong việc lắp đặt sử dụng nước sạch và xây nhà tiêu tự hoại đảm bảo vệ sinh.

4. Kết luận

Nhìn chung, nông nghiệp – nông thôn tỉnh Champasac đang phát triển theo hướng bền vững. Nhưng cần tăng cường phát triển theo chiều sâu kết hợp giữa sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế

biến và xuất khẩu nông sản.

Trên cơ sở thực hiện một số giải pháp cơ bản như tăng cường thu hút đầu tư vốn, khoa học kỹ thuật công nghệ từ nước ngoài với định hướng nông nghiệp – nông thôn của tỉnh phát triển theo hướng bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Đức Hùng (2012), *Một số vấn đề về phát triển bền vững vùng duyên hải Nam Trung Bộ*, Nxb Từ điển Bách khoa.
2. Trần Ngọc Ngoạn (2008), *Phát triển nông thôn bền vững những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thế giới*, Nxb Khoa học xã hội
3. Đào Hoàng Tuấn (2008), *Phát triển bền vững đô thị*, Nxb Khoa học xã hội.
4. Thaddeus C. Trzyna (2001), *Thế giới bền vững*, Nxb Hà Nội.
5. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Champasac, *Báo cáo tổng kết kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm lần thứ VI (2006-2010)*.
6. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Champasac, *Báo cáo tổng kết các năm 2011, 2012*.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 11-9-2013; ngày phản biện đánh giá: 22-12-2013; ngày chấp nhận đăng: 16-5-2014)